TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày 09-08-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toản

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý

Bà Nguyễn Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 08 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2018/HSST ngày 05 tháng 07 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 07 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Văn K, sinh năm 1970 tại huyện H, tỉnh T; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng; trình độ văn hóa: 3/12; bố: Đỗ Văn Y; mẹ: Nguyễn Thị T; vợ: Lương Thị V; có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

+ Người bị hại: Ông Hoàng Quốc H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh B (vắng mặt).

+ Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Th; địa chỉ: Phòng 802, tầng 8, tòa nhà đa năng V, đường H, phường X, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Ngọc L, sinh năm 1965; chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Th (vắng mặt).

- Công ty trách nhiệm hữu hạn môi trường P; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Y.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Thế V; chức vụ: Giám đốc công ty TNHH môi trường P (vắng mặt).

+ Người làm chứng: Các ông Phan Hải B, Lương Văn H, Nguyễn Văn C, Dương Chí N, Lê Văn T và chị Lương Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Q nay là công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) T, địa chỉ: Phòng 802, tầng 8, tòa nhà đa năng V, đường H, phường X, thành phố B, tỉnh B có một thửa đất loại đất Lâm nghiệp diện tích 2,2 ha tại khu vực đồi T thôn T, xã N, huyện Y. Thửa đất này được chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh B ký quyết định cho phép khai thác đất để phục vụ thi công san lấp mặt bằng công trình xây dựng các công trình trên địa bàn tỉnh B.

Ngày 10/9/2017, Công ty TNHH Q có ký hợp đồng cung cấp đất đồi cho Công ty TNHH Môi trường P, địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Y để Công ty P khai thác chở đất đi phục vụ thi công san lấp mặt bằng. Theo nội dung của hợp đồng: Công ty Q bán đất đồi lấy từ mỏ đất T thuộc địa phận thôn T, xã N, huyện Y cho công ty P. Công ty P được khai thác và vận chuyển đất ra khỏi mỏ đất thời hạn từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 28/9/2018. Để được khai thác đất, Công ty P phải đặt cọc cho Công ty Q 500.000.000 đồng (đ) trước khi khai thác, khi khai thác đất hết số tiền đặt cọc thì Công ty P phải đặt cọc thêm tiền mới được khai thác đất. Nếu Công ty P vi phạm thì công ty Q có quyền đình chỉ khai thác. Sau khi ký hợp đồng, Công ty P tiến hành đặt cọc tiền và khai thác đất. Việc khai thác đất của Công ty P có sự theo dõi ghi chép của Công ty Q, tính đến ngày 19/10/2017, qua theo dõi thì Công ty P đã khai thác đất hết số tiền đặt cọc cho Công ty Q nên Công ty Q đã yêu cầu Công ty P đặt cọc tiền để tiếp tục được khai thác đất nhưng đến ngày 23/10/2017 Công ty P vẫn chưa đặt cọc tiền.

Khoảng 6 giờ 20 phút ngày 23/10/2017, ông Hoàng Quốc H là Phó giám đốc Công ty Q cùng ông P là nhân viên công ty Q điều khiển xe mô tô đi đến khu vực đường đi lên mỏ đất T thuộc địa phận thôn A, xã T yêu cầu các xe ô tô chở đất của công ty P dừng việc vận chuyển đất ra khỏi khu vực mỏ đất T và đề nghị công ty P ngừng khai thác đất khi nào đặt cọc tiền thì tiếp tục khai thác đất. Tiếp đó ông H dựng xe mô tô chắn ngang đường rồi đứng phía sau xe mô tô ra hiệu các xe ô tô dừng lại, thấy ông H dựng xe mô tô chắn ngang đường, nên các lái xe ô tô chở đất đỗ lại. Cùng lúc đó ông B đến thông báo cho các lái xe, lái máy trong mỏ đất việc

công ty Q ngừng cung cấp đất cho công ty P. Thấy bị chặn lại không cho vào chở đất, một số lái xe đã điện thông báo đến Công ty P.

Sau khi nhận được thông báo, khoảng 6 giờ 30 phút cùng ngày, Đỗ Văn K là nhân viên công ty P được giao nhiệm vụ đảm bảo an toàn, điều hành xe và máy móc khai thác đất tại mỏ đất T đến và yêu cầu ông H, ông B cho các xe ô tô tiếp tục vào mỏ đất để vận chuyển, khai thác đất. Tuy nhiên ông H không đồng ý, vẫn tiếp tục đứng ở giữa đường chặn các xe ô tô lại, không cho vào mỏ đất, nên K xông đến kéo ông H ra nhưng không được. Thấy ở gần đó có một lán dựng tạm bên cạnh đường, K đến lán lấy 01 sợi dây thừng màu cam mới làm bằng chất liệu ni lông dài khoảng 4m đem ra buộc thòng lọng một đầu rồi choàng vào người ông H từ phía trên cổ xuống rồi một tay cầm đầu dây đứng phía sau đẩy ông H đến gốc cây keo ở bên phải đường theo hướng đi từ ngoài vào trong mỏ đất T rồi siết chặt dây thừng trói ông H úp mặt vào thân cây này. Tiếp đó, K vào trong lán lấy thêm 01 sợi dây thừng đem ra tiếp tục quấn quanh người ông H từ cổ đến chân. Sau khi trói ông H vào cây, K ra dắt xe ông H vào bờ đường để cho các xe ô tô chở đất ra. Đến khoảng 7 giờ cùng ngày, nhận được tin báo, ông Lương Văn H là Công an viên xã đã đến hiện trường phát hiện sự việc đã yêu cầu K cởi trói cho ông H, sau đó K đến cởi trói cho ông H và cầm 02 sợi dây thừng đem ra ngoài vứt đi. Toàn bộ diễn biến sự việc xảy ra, được ông Phan Hải B dùng điện thoại di động của mình ghi lại (các Bút lục: 34-51; 65-78; 82-101;124-136;147-165);

Ngày 24/10/2017, ông Hoàng Quốc H có đơn trình báo gửi đến cơ quan điều tra Công an huyện Yên Dũng đề nghị xử lý Đỗ Văn K theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/10/2017, sau khi sao lưu toàn bộ video quay lại diễn biến việc Khuyến dùng dây thừng trói ông Hội từ điện thoại di động ra đĩa DVD, ông Phan Hải B đã giao nộp cho Cơ quan điều tra (bút lục 22-23).

Ngày 22/5/2018, Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Dũng ra Quyết định trưng cầu giám định gửi đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang "giám định nội dung đoạn video chứa trong đĩa DVD-R nhãn hiệu KACHI JAPAN, màu bạc có bị cắt ghép không?". Tại bản kết luận giám định số 674/KL-PC54 ngày 28/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: "không phát hiện dấu hiệu cắt ghép nội dung trong file video được lưu trữ trong đĩa DVD-R nhãn hiệu KACHI JAPAN, màu bạc" (bút lục:145-146);

Ngày 30/5/2018, cơ quan điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra hành vi K bắt trói ông H, kết quả thực nghiệm điều tra có đủ căn cứ để chứng minh hành vi Khuyến bắt trói ông H như đã nêu trên;

Tại cơ quan điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo nhưng không hợp tác với cơ quan điều tra và không ký xác nhận các biên bản; tại Viện kiểm sát, bị cáo thừa nhận hành vi bắt trói ông Hvào gốc cây để cho xe chở đất đi ra và đề nghị xem xét giảm nhẹ hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng của vụ án: 02 sợi dây thừng, K khai vứt tại hiện trường sau khi cởi trói cho ông H, cơ quan CSĐT- Công an huyện Yên Dũng đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được; 01 (một) đĩa cứng DVD-R bên trong lưu trữ 01 file video do anh Phan Hải B giao nộp đã niêm phong chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Hoàng Quốc H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 39/KSĐT ngày 28/06/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố bị cáo Đỗ Văn K về tội *"Bắt người trái pháp luật"* được quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999.

Sau khi kết thúc việc xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã trình bày luận tội đối với bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Bị cáo Đỗ Văn K phạm tội "Bắt người trái pháp luật".

Áp dụng khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn K từ 06 đến 09 tháng tù.

Ngoài ra, còn đề cập đường lối xử lý về tiền án phí.

Bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người đúng tội, bị cáo không bị oan và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Có đủ cơ sở kết luận: Hồi 06 giờ 30 phút ngày 23/10/2017, tại khu vực đường đi lên mỏ đất T thuộc địa phận thôn A, xã T, huyện Y sau khi nhận được thông báo xe chở đất của công ty bị chặn không được chở đất. Đỗ Văn K là nhân viên Công ty P thấy ông Hoàng Quốc H là người đang ngăn cản các xe ô tô vào chở đất. K đã dùng 02 sợi dây thừng loại nilon màu cam, mỗi sợi dài 4m bắt trói ông H vào thân cây Keo để các xe ô tô của Công ty K chở đất ra. Đến khoảng 7 giờ cùng ngày, sau khi được mọi người đến can ngăn, K đã ra cởi trói cho ông H.

Hành vi của bị cáo xảy ra tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực thi hành. Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đỗ Văn K phạm tội *"Bắt người trái pháp luật"* được quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến thân thể, sức khoẻ, danh sự của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo một hình phạt tương ứng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có bố, mẹ vợ tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân huy chương. Do vậy, cần áp dụng các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Bản thân bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn K phạm tội "Bắt người trái pháp luật".

Áp dụng khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn K **10** tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo; thời gian thử thách **20** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Y tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Đỗ Văn Khuyến phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi Cục THADS huyện Yên Dũng;
- Công an huyện Yên Dũng;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Toản